

Bản án số: 30/2019/HS-ST

Ngày: 20- 6-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Nam và bà Ngô Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 26/2019/HSST ngày 16 tháng 5 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức L; sinh năm 1997

Tên gọi khác: Không

Nơi ĐKNKTT: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh T.

Nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa: 11/12

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Con ông: Nguyễn Văn L– sinh năm 1973; con bà: Lê Thị Q – sinh năm 1973

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/9/2018 đến ngày 13/9/2018, thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Hiện bị cáo tại ngoại tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Cháu Trịnh Thị Yến N (đã chết)

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

Chị Trịnh Thị Th và anh Trịnh Tuấn A (là bố, mẹ cháu N)

Cùng địa chỉ: Thôn 1, xã Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Doanh nghiệp tư nhân vận tải Ninh H

Địa chỉ: Đội 2, xã Đông X, huyện Đông S, tỉnh T

Người đại diện theo pháp luật: Anh Thiệu Văn N, sinh năm 1978

Người làm chứng:

1. Anh Phạm Đình N, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn 8, Minh S, Triệu S, tỉnh T

2. Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1961

3. Ông Trịnh Trọng H, sinh năm 1949

Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã Hợp Th, huyện Triệu S, Tỉnh Thanh H.

4. Cháu Trần Thị H, sinh năm 2004

Người đại diện hợp pháp cho cháu Hằng: Chị Lê Thị M, sinh năm 1978

Cùng trú tại: Thôn 1, xã Hợp T, Triệu S, Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Khoảng 15 giờ ngày 07 tháng 9 năm 2018, Nguyễn Đức L không có giấy phép lái xe điều khiển xe ô tô BKS: 36C-043.17 đi bên phải phần đường, lưu thông trên tỉnh lộ 514 theo hướng thị trấn G, huyện Triệu S vào mỏ đất thuộc xã Hợp Th, huyện Triệu S để chở đất. Khi đi đến địa phận xóm 5, xã Hợp Th do không chú ý quan sát, giành đường, không giữ tốc độ và khoảng cách giữa các xe nên đâm va vào xe đạp điện phía trước cùng chiều do cháu Trần Thị H sinh năm 2004 ở xóm 1, xã Hợp Th điều khiển, chở theo phía sau là cháu Trịnh Thị Yến N sinh năm 2003 (người cùng xóm). Hậu quả: cháu Trịnh Thị Yến N chết tại chỗ, cháu Trần Thị H bị thương phải điều trị tại bệnh viện đa khoa tỉnh T. Sau khi xảy ra tai nạn L đến Công an huyện T đầu thú.

Kết quả tiến hành biện pháp khám nghiệm hiện trường cho thấy:

Hiện trường nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông là đường tỉnh lộ 514 thuộc địa phận xóm 5, xã H, huyện T, tỉnh T. Là đoạn đường thẳng, mặt đường rải nhựa bằng phẳng rộng 06m30; trên mặt đường có vạch sơn kẻ nét đứt ở giữa đường phân chia phần đường hai chiều; trên đường không có chướng ngại vật che khuất tầm nhìn; đoạn đường có đặt biển cảnh báo giao nhau với đường không ưu tiên; hiện trường đã bị xáo trộn một phần do việc đi lại của các phương tiện và người dân.

Điểm mốc được xác định là chân cột điện có ký hiệu CB-07/01 ở lề đường phía Bắc. Lấy mép đường phía Bắc làm chuẩn. Từ điểm mốc kẻ một đường thẳng tưởng tượng vuông góc với lề đường, vạch kẻ đường, từ đó đo đạc đến vị trí các dấu vết gần nhất được các số liệu: hệ thống các vết cà trượt không liên tục (ký hiệu số 5) vết có chiều từ Đông sang Tây; điểm đầu vết có chiều rộng 40cm, vết có chiều dài 04m95, đầu vết cách đường thẳng tưởng tượng ở vị trí vuông góc là 18m70 và cách vật chuẩn là 1m10; điểm cuối vết nằm ngay mặt đường tiếp giáp với $\frac{1}{2}$ bên trái phía sau của xe đạp điện. Vết phanh không liên tục, vết phía ngoài (ký hiệu số 6) dài 17m, vết có chiều từ Đông sang Tây và vòng cung về hướng Nam; điểm đầu vết cách đầu vết cà trượt (ký hiệu số 5) là 02m70 và cách vật chuẩn là 01m40; điểm cuối vết nằm cách vật chuẩn là 01m60, bề rộng mặt vết là 12cm; tại vị trí $\frac{1}{2}$ vết có bám dính chất màu đỏ (dạng máu và tổ chức cơ thể người). Xe đạp điện (ký hiệu là số 7) nằm sát lề đường phía Bắc, đầu xe quay hướng Đông Bắc, đuôi xe quay hướng Tây Nam; trục bánh trước cách mép đường phía Bắc; trục phía sau cách vật chuẩn là 80cm.

Nạn nhân Trịnh Thị Yến N (ký hiệu là số 8) nằm sấp, đầu quay hướng Đông, chân co và quay hướng Tây; đỉnh đầu nạn nhân cách vật chuẩn là 1m50 và cách trục bánh sau xe đạp là 02m30, gót chân trái nạn nhân cách vật chuẩn là 95cm. Vết phanh liên tục (ký hiệu là số 9) dài 08m, vết có chiều Đông Nam – Tây Bắc, điểm đầu vết cách điểm đầu vết (ký hiệu số 6) là 08m90 và cách vật chuẩn là 02m30 và điểm cuối cách vật chuẩn là 01m80; điểm kết thúc cùng với điểm kết thúc có ký hiệu 6; hai vết phanh có chiều rộng tại đoạn cuối là 40cm, mỗi vết rộng 12cm và tâm cách nhau là 18cm.

Ngày 13 tháng 9 năm 2018, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T có Bản kết luận giám định số: 1851/GDPY-PC09 kết luận: dấu hiệu chính qua giám định: các vết rách, lóc tổ chức da, cơ, xây xước da, bầm tím tại vùng: đầu, mặt, cổ, lưng, hông, tay phải, chân trái; vỡ xương cánh chậu phải; tụ máu dưới da đầu vùng thái dương, đỉnh, chẩm trái và phần cơ thái dương trái; vỡ, lún xương hộp sọ, rách màng cứng; chảy máu lan tỏa màng mềm thùy thái dương hai bên; dập não. Nguyên nhân chết của cháu Trịnh Thị Yến N do: vỡ xương hộp sọ, chảy máu lan tỏa màng mềm, dập não.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T có Bản kết luận giám định số: 2025/KLGD-PC09 kết luận: điểm va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện: Cạnh trước giá đỡ bàn lên xuống bên phải buồng lái xe ô tô BKS: 36C-043.17 với mặt ngoài bên phải giá đèn hàng sau xe đạp điện. Tại thời điểm xảy ra tai nạn hai phương tiện chuyển động cùng chiều, xe ô tô BKS: 36C-043.17 ở phía sau và có vận tốc lớn hơn so với xe đạp điện. Vị trí xảy ra tai nạn giữa hai phương tiện nằm trước đầu vết cà trượt số 5 thể hiện trong biên bản khám nghiệm hiện trường thuộc phần đường bên phải theo hướng từ ngã tư G, thị trấn T đi xã H.

Ngày 20 tháng 10 năm 2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T có Quyết định trưng cầu giám định số: 120/CSĐT, trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa giám định tỷ lệ phần trăm thương tích trên cơ thể cháu Trần Thị Hằng sinh năm 2004.

Đại diện hợp pháp của cháu Hằng và cháu Hằng có đơn từ chối giám định thương tích. Việc gia đình và cháu Hằng viết đơn từ chối là hoàn toàn tự nguyện.

Bản cáo trạng số 23/CT- VKS, ngày 18 tháng 4 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, truy tố bị cáo Nguyễn Đức Lương phạm tội “vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thừa nhận bản cáo trạng truy tố là hoàn toàn đúng. Bị cáo chưa có giấy phép lái xe, nhưng do có quan hệ họ hàng với giám đốc công ty N bản thân bị cáo lại nói dối đã có giấy phép lái xe, nên tại thời điểm ký hợp đồng do tin tưởng nên giám đốc công ty không kiểm tra hồ sơ, ngày 04 tháng 9 năm 2018, Nguyễn Đức L ký hợp đồng lao động với doanh nghiệp tư nhân vận tải N, với nhiệm vụ công việc là lái xe, kiêm bốc vác. Khi biết L đang thi nâng hạng lên bằng C, thì giám đốc Công ty có

giao công việc thực tế làm tại công ty không giống như đã ký kết trong hợp đồng, mà nhiệm vụ chính là quản lý xe đi, về và bốc vác, chờ khi nào nhận được giấy phép lái xe mới làm công việc như thỏa thuận trong hợp đồng.

Khoảng 15 giờ ngày 07 tháng 9 năm 2018, Nguyễn Đức L không có giấy phép lái xe đã tự ý điều khiển xe ô tô BKS: 36C-043.17 đi bên phải phần đường, lưu thông trên tỉnh lộ 514 theo hướng thị trấn G, huyện T vào mỏ đất thuộc xã H, huyện T để chở đất thì gây tai nạn. Hậu quả: Trịnh Thị Yến N chết tại chỗ; Trần Thị H bị thương.

Người người đại hợp pháp của bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày quan điểm hiện nay gia đình đã nhận số tiền bồi thường thiệt hại từ bị cáo, và công ty N, nên không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Thiệu Văn N- giám đốc công ty N trình bày, việc ký hợp đồng lao động ngày ngày 04 tháng 9 năm 2018 với Nguyễn Đức L như bị cáo khai là hoàn toàn đúng, do có quan hệ họ hàng nên anh N không kiểm tra việc L có giấy phép lái xe hay không. Sau khi ký kết hợp đồng lao động, biết L đang thi nâng hạn lên bằng C, thì anh N đã giao cho L làm công việc quản lý xe đi, về bến và kiêm bốc vác, thỏa thuận chờ khi nào có giấy phép lái xe hạng C mới được lái xe như đã thảo thuận trong hợp đồng. Ngày 07 tháng 9 năm 2018, Nguyễn Đức L không có giấy phép lái xe đã tự ý điều khiển xe ô tô BKS: 36C-043.17 gây tai nạn, anh không biết, không giao xe cho L. Về bồi thường thiệt hại: Việc anh thay mặt Công ty N liên đới cùng bị cáo bồi thường cho gia đình cháu Trịnh Thị Yến N và cháu Trần Thị H, anh không yêu cầu L phải trả lại cho anh, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức L phạm tội “vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260 bộ luật hình sự, điểm b; s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Đức L 36 tháng tù cho hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận bồi thường, không có yêu cầu gì, nên không xét; Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận đối với Viện kiểm sát, lời nói sau cùng bị cáo đều mong Hội đồng xét xử cho hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Thực hiện đúng về thẩm

quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Những chứng cứ xác định có tội của bị cáo:* Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bởi: Lời khai của bị cáo, người đại diện hợp pháp bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; Biên bản khám nghiệm hiện trường, bản kết luận giám định tử thi, Bản kết luận giám định dấu vết trên phương tiện, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa nên đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 07 tháng 9 năm 2018, Nguyễn Đức L không có giấy phép lái xe đã tự ý điều khiển xe ô tô BKS: 36C-043.17 đi bên phải phần đường, lưu thông trên tỉnh lộ 514 theo hướng thị trấn Gt, huyện T vào mô đất thuộc xã H, huyện T để chõ đất thì gây tai nạn. Hậu quả: Trịnh Thị Yến N chết tại chỗ; Trần Thị H bị thương. Với hành vi trên Nguyễn Đức L đã phạm vào tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Như vậy, cáo trạng của VKS và bản luận tội của KSV tại phiên tòa là có căn cứ;

[3] *Tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:*

Xét tính chất vụ án: Hành vi của bị cáo Nguyễn Đức L là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự, an toàn trong hoạt động giao thông, đồng thời xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác, gây tâm lý hoang mang, lo sợ cho mọi người khi tham gia giao thông. Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Đức L là người có lỗi hoàn toàn, bị cáo điều khiển xe mô tô chưa có giấy phép lái xe, với ý thức chủ quan, bị cáo đã điều khiển xe mô tô để tham gia giao thông và gây ra tai nạn, hậu quả làm cháu Trịnh Thị Yến N chết tại chỗ. Bị cáo vi phạm khoản 9 Điều 8 luật giao thông đường bộ. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm nhằm giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã cùng công ty N bồi thường thiệt hại cho đại diện theo pháp luật người bị hại với tổng số tiền là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng); Sau khi gây tai nạn, bị cáo đầu thú; người đại diện theo pháp luật người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, Nguyễn Đức L được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b; s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] *Về trách nhiệm hình sự:* Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, cũng như nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh T, Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly khỏi xã hội mà giao cho chính quyền địa phương quản lý giáo dục, cũng đủ răn đe, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] *Về vật chứng*: Đối với các phương tiện liên quan đến tai nạn, sau khi tiến hành khám phương tiện cơ quan Công an đã trả lại cho các chủ phương tiện đúng quy định của pháp luật nên không xét.

[5] *Về trách nhiệm dân sự*: Bị cáo và công ty Ninh H đã liên đới bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại, người đại diện theo pháp luật của người bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xét. Anh Thiệu Văn N, giám đốc Công ty Ninh H trình bày số tiền bồi thường thiệt hại cùng với bị cáo L, anh không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho công ty, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét việc thỏa thuận trên là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Trong vụ án này, cháu Trần Thị H cũng bị thương phải điều trị tại bệnh viện đa khoa tỉnh T. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T có Quyết định trưng cầu giám định số: 120/CSĐT, trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh T giám định tỷ lệ phần trăm thương tích trên cơ thể cháu Trần Thị H, nhưng đại diện hợp pháp của cháu H và cháu H có đơn từ chối giám định thương tích. Bị cáo và Công ty N đã bồi thường cho gia đình cháu H số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng). Việc gia đình và cháu H viết đơn từ chối giám định là hoàn toàn tự nguyện, không yêu cầu nên không xem xét.

Đối với hành vi ký hợp đồng lao động với Nguyễn Đức L, chức danh: Lái xe, kiêm bốc vác của anh Thiệu Văn N (giám đốc doanh nghiệp tư nhân vận tải N), tại thời điểm ký hợp đồng lao động với L do có quan hệ họ hàng nên anh N không kiểm tra việc L có giấy phép lái xe hay không. Ngày 07/9/2018 L tự lấy xe ô tô BKS: 36C-043.17 đi chở đất và gây tai nạn.

Ngày 13 tháng 5 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện T đã ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 03/2019/HSST-QĐ vì xét thấy có căn cứ cho rằng Thiệu Văn N thực hiện hành vi mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm liên quan đến vụ án, nhưng chưa được cơ quan điều tra làm rõ. Quá trình thu thập các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu trả hồ sơ của Tòa án, xét thấy những tài liệu, chứng cứ đã thu thập không làm thay đổi nội dung truy tố tại bản cáo trạng số 23/CT- VKS ngày 18/4/2019, nên Viện Kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật. Do đó không có căn cứ để xử hành vi của N về việc giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường bộ.

[7] *Về án phí*: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, khoản 2 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức L phạm tội " Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức L 36 (ba sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong thời gian thử thách giao bị cáo Nguyễn Đức L cho Ủy ban nhân

dân xã H, huyện H, tỉnh T để giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện theo pháp luật của bị hại đã nhận 150.000.000đ, không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xét.

- Về vật chứng vụ án: Đã trả lại cho các chủ phương tiện đúng quy định của pháp luật nên không xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự ; khoản 1 Điều 6; Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tiểu mục 1, mục I danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo nghị quyết 326, buộc bị cáo Nguyễn Đức L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người đại diện theo pháp luật của người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đình Nam Ngô Thị Mai

Lê Thị Thủy

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- Công an huyện Triệu Sơn;
- THA huyện Triệu Sơn
- Bị cáo;
- Người đại diện theo pháp luật của người bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thủy

